

Bản án số: 73/2018/DS-ST

Ngày: 04/10/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt

2/ Ông Phạm Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: tham gia phiên tòa có ông Lương Thành Trung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/9 và 04/10/2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Vũ Anh K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông **Huỳnh Văn L (T)**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 của anh Vũ Anh K và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Hoàng H đại diện theo ủy quyền của anh K trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H là mối quen mua bán vật tư nông nghiệp với anh Vũ Anh K. Do quen biết nên ông H giới thiệu ông Huỳnh Văn L (em vợ ông H) mua thiếu vật tư nông nghiệp của anh K vào năm 2016. Lúc đầu anh K không đồng ý nhưng sau đó ông H cam kết nếu ông T không trả thì ông H sẽ đứng ra trả. Tính đến tháng 12/2016, ông T mua thiếu của anh K tổng cộng 86.340.000đ. Ngày 21/12/2016, ông Nguyễn Văn H viết giấy cam kết bảo lãnh nợ của ông T bao gồm gốc và tính lãi lên đến 94.399.000đ, đồng thời còn bảo lãnh cho ông L (T) mua tiếp vật tư vụ Đông xuân năm 2017. Đến khi cắt lúa đông xuân 2017 ông T cũng không thanh toán không đủ, còn nợ lại 11.915.000đ. Cộng cả số tiền mua thiếu của vụ hai vụ lúa là 98.255.000đ.

Tại phiên tòa, anh H – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông L phải trả cho anh Vũ Anh K số tiền như sau:

+ Tiền gốc 98.255.000đ.

+ Tiền lãi đối với số tiền 86.340.000đ: tính lãi từ tháng 12/2016 đến nay là 18 tháng, lãi suất 1%/ tháng = 15.541.000đ.

+ Tiền lãi đối với số nợ gốc 11.915.000đ: tính lãi từ tháng 4/2017 đến nay là 13 tháng, lãi suất 1%/ tháng = 1.548.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi là 115.344.000đ. Ông H đồng ý giảm một phần tiền lãi là 5.344.000 đồng nên số tiền gốc và lãi còn lại phải trả là 110.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn L (T) trình bày:*

Tôi thừa nhận số tiền tôi mua thiếu vật tư nông nghiệp của anh K là 98.255.000đ. Tôi xin anh K tạo điều kiện cho tôi trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000đ, tôi sẽ cố gắng làm ăn để trả cho anh K. Nếu anh K không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn H trình bày:*

Tôi thừa nhận có bảo lãnh cho em vợ tên Huỳnh Văn L (T) mua thiếu vật tư nông nghiệp của Vũ Anh K. Đến thời điểm này ông L còn thiếu anh K số tiền gốc là 98.255.000đ, tôi cũng đồng ý trả số tiền này cho anh K. Nhưng tôi xin trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000đ, nếu có nhiều thì sẽ trả nhiều.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm kiểm sát:*

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa ông K với ông L được xác lập vào năm 2016 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

3. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng H yêu cầu ông Huỳnh Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền mua vật tư thiếu cho ông Vũ Anh K là 42.507.000 đồng. Trong trường hợp ông L không có khả năng thanh toán thì ông H phải có trách nhiệm trả số tiền tên cho ông K với tư cách là người bảo lãnh thanh toán. Do đó, HĐXX xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự như sau:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Anh K.
- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L (T)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn H.

4. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định: Vào năm 2016, ông Huỳnh Văn L có trực tiếp thỏa thuận mua bán vật tư nông nghiệp của ông Vũ Anh K (theo sự giới thiệu và bảo lãnh của ông Võ Văn H). Tính đến ngày 21/12/2016, ông Huỳnh Văn L còn thiếu tiền vật tư nông nghiệp của ông K với số tiền gốc là 86.340.000 đồng và tiền lãi là 8.050.000 đồng (BL 30). Sau đó ông L tiếp tục mua vật tư nông nghiệp của ông K trong vụ lúa Đông xuân 2017 (tháng 4/2017) và nợ số tiền đợt sau là 11.915.000đ. Tổng cộng ông L còn nợ tiền mua vật tư của ông K số tiền hai đợt là 98.255.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông L

cũng thừa nhận việc mình có mua vật tư nông nghiệp của ông K và còn nợ lại số tiền hai đợt là 98.255.000đ. Như vậy có căn cứ xác định được giữa ông K và ông L đã xác lập mối quan hệ mua bán tài sản với nhau. Đến nay ông L không thanh toán số tiền 98.255.000đ cho ông K là đã vi phạm vào nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005: “Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận...”. Do đó cần buộc ông L phải có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 98.255.000đ.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: căn cứ vào khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật này...” nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, ông H - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông L phải trả số tiền lãi như sau:

Khóp thứ nhất: $86.340.000đ \times 1\% \times 18 \text{ tháng} = 15.541.000 \text{ đồng}$

Khóp thứ hai: $11.915.000đ \times 1\% \times 13 \text{ tháng} = 1.548.000 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi của hai khóp là 17.089.000 đồng. Ông H tự nguyện giảm tiền lãi cho ông L là 5.344.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 11.745.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 110.000.000 đồng. Ngay trong ngày 28/9/2018, ông Võ Văn H đã trả cho ông K được số tiền 10.000.000 đồng nên số nợ gốc và lãi còn lại là 100.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi 1%/tháng là cao hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên sau đó phía nguyên đơn đã tự nguyện giảm tiền lãi cho ông L số tiền 5.344.000 đồng nên số tiền lãi còn lại 11.745.000 đồng cũng hợp lý nên HĐXX ghi nhận.

Đối với việc bảo lãnh của ông Võ Văn H, HĐXX xét thấy: Quan hệ giao dịch mua bán tài sản giữa anh K và ông L được xác lập khi có sự bảo lãnh thanh toán của ông H – là bên thừa ba. Căn cứ vào Giấy bảo lãnh ngày 21/12/2016 có nội dung: ông H sẽ bảo lãnh cho ông L (T) số tiền mà ông L (T) nợ cửa hàng vật tư Vũ K là 94.390.000 đồng và nợ mới vụ Đông Xuân 2017, nếu ông T không thanh toán đầy đủ cho cửa hàng thì ông H sẽ đứng ra thanh toán... Tại Tòa hôm nay, bà Xa (vợ ông H) đại diện theo ủy quyền của ông H đã thừa nhận có việc bảo lãnh thanh toán này và cũng đồng ý trả thay cho ông L trong trường hợp ông L không có khả năng thanh toán nợ cho ông K. Do đó ông H cũng phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ bảo lãnh của mình khi ông L không thanh toán nợ cho ông K theo quy định tại Điều 361, Điều 363 BLDS năm 2005.

Xét ý kiến của ông Huỳnh Văn L và ông Nguyễn Văn H xin được trả mỗi năm 10.000.000đ. Vấn đề này, tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày

19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính quy định: “Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Yêu cầu của ông L và ông H không được phía nguyên đơn đồng ý nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Từ các cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Về án phí: Buộc ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông K.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 361, 363, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh K đối với ông Huỳnh Văn L và ông Võ Văn H.

- Buộc ông Huỳnh Văn L phải trả cho ông Vũ Anh K số tiền gốc và lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Trường hợp ông Huỳnh Văn L không trả nợ được cho ông Vũ Anh K thì buộc ông Võ Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho ông L số nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả số tiền trên, thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi suất của ông Vũ Anh K.

3. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng. Do ông L là hộ cận nghèo có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên

được xét giảm 50% án phí. Số án phí còn phải chịu là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho anh Vũ Anh K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.341.000 đồng (Ba triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn đồng), theo biên lai thu số 0003332 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cúc